

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 28 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,672.80 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bán lẻ, Bảo hiểm,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên hai sàn HNX, UPCOM. Dù tâm lý thị trường còn khá e dè nhưng VN-Index tạm thời đã vượt qua vùng kháng cự 1,645 – 1,660; trong những phiên tới, chỉ số có thể tiếp tục hướng tới vùng 1,700 – 1,725 đi kèm diễn biến rung lắc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Tất cả HĐTL đều tăng, cùng chiều với nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 27/03/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của chứng khoán cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+28.17** điểm, đóng cửa tại **1672.8** điểm. HNX-Index **+4.15** điểm, đóng cửa tại **252.36** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.30)**, **GVR (+1.88)**, **CTG (+1.68)**, **VHM (+1.67)**, **VCB (+1.60)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MCH (-0.48)**, **STB (-0.27)**, **PGV (-0.07)**, **HVN (-0.06)**, **TMS (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,309** tỷ đồng, tăng **15.85%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,490 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 33 điểm. Thị trường có **253** mã tăng, 39 mã tham chiếu, **90** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-148.80** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-270.41 tỷ)**, **DGC (-110.80 tỷ)**, **FPT (-84.46 tỷ)**, **NVL (-74.33 tỷ)**, **BID (-38.45 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **51.76** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **1.96%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - KBC (+6.97%)** ([Link báo cáo](#))
 - PDR (+6.84%)** ([Link báo cáo](#))
 - KDH (+3.73%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **2.17%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - GVR (+7.00%)** ([Link báo cáo](#))
 - HDC (+6.76%)** ([Link báo cáo](#))
 - DIG (+6.64%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.96%	2.17%	1.71%	1.69%
1 tuần	2.51%	3.58%	1.52%	1.31%
1 tháng	-9.17%	-7.04%	-10.11%	-11.13%
3 tháng	0.02%	4.17%	-3.30%	-7.35%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,672.80	252.36	124.32
% 1D	1.71%	1.67%	0.59%
GTKL (tỷ VND)	20,309	1,788	450
%1D	15.85%	42.05%	-36.71%
GDNN (tỷ VND)	-148.80	51.76	8.03

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	125.68	STB	-270.41
DCM	96.03	DGC	-110.80
VIX	77.44	FPT	-84.46
MWG	66.94	NVL	-74.33
DPM	64.19	BID	-38.45

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,477	-1.74%	-1.96%
FTSE100	9,910	-0.62%	-0.08%
Eurostoxx	5,504	-1.49%	-0.22%
Shanghai	3,914	0.63%	-1.10%
Nikkei	53,373	-0.43%	0.35%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	110.57	8.52%
Giá vàng	4,421	0.36%
Tỷ giá		
USD/VND	26,355	-0.01%
EUR/VND	31,151	-0.25%
JPY/VND	169	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.3%	
LS LNH 1M	7.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	132.60	2.00%	4.30	2.14
GVR	32.10	7.00%	1.88	4.47
CTG	34.80	2.96%	1.68	12.08
VHM	103.00	1.88%	1.67	2.55
VCB	58.80	1.55%	1.60	6.14

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	17.10	7.55%	0.65	27.30
KSV	146.60	3.24%	0.53	0.04
IDC	48.50	3.63%	0.37	3.22
MBS	23.90	3.46%	0.31	4.75
HUT	17.50	2.34%	0.24	3.71

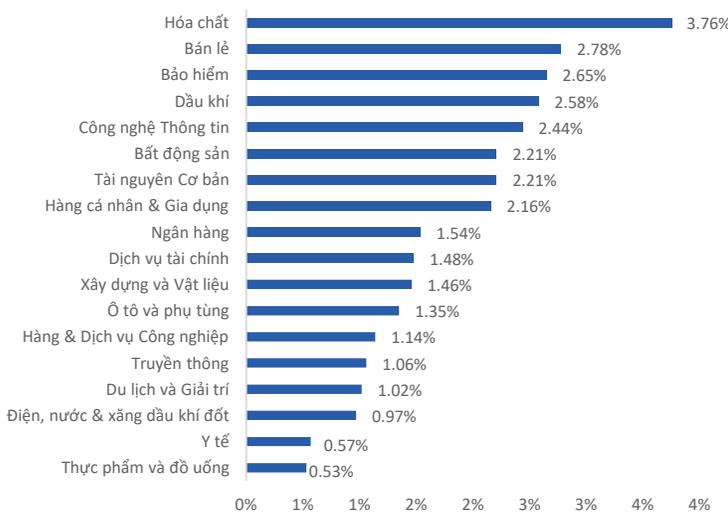
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	32.10	7.00%	1.87	4.47
HHS	13.00	7.00%	0.08	5.79
CRE	7.65	6.99%	0.05	0.91
KBC	30.70	6.97%	0.42	6.09
DXS	6.76	6.96%	0.06	4.48

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PRC	12.30	9.82%	0.03	0.00
VC9	4.50	9.76%	0.03	0.12
QTC	33.80	9.74%	0.03	0.00
PJC	30.60	9.68%	0.08	0.00
TJC	18.20	9.64%	0.06	0.01

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MCH	145.20	-1.22%	-0.48	0.23
STB	59.90	-1.16%	-0.27	12.15
PGV	24.30	-1.22%	-0.07	0.02
HVN	21.95	-0.45%	-0.06	1.08
TMS	39.10	-4.40%	-0.06	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	79.10	-1.13%	-0.12	0.04
PMC	126.00	-9.29%	-0.06	0.00
HTC	44.70	-9.88%	-0.04	0.01
IPA	15.50	-1.90%	-0.04	0.28
SCG	63.60	-1.09%	-0.03	0.02

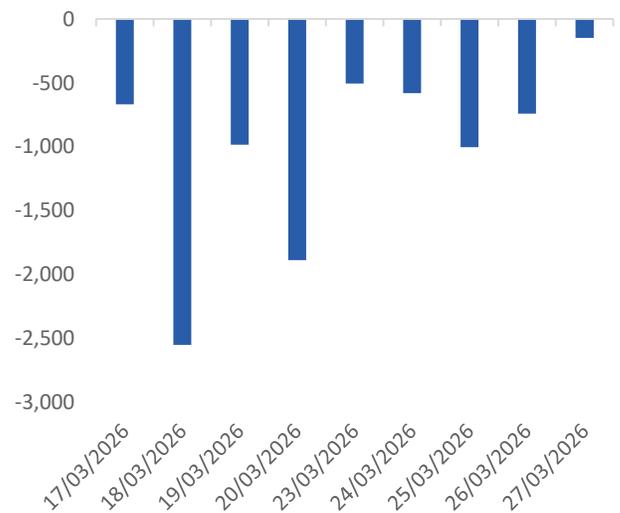
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STG	34.90	-6.93%	-0.05	0.00
HRC	49.80	-6.92%	-0.02	0.02
HU1	6.28	-6.69%	0.00	0.00
FUEABVNI	10.80	-6.09%	0.00	0.00
DBT	10.35	-5.48%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CET	8.20	-9.89%	-0.02	0.03
HTC	44.70	-9.88%	-0.27	0.01
POT	19.80	-9.59%	-0.14	0.00
SGH	21.70	-9.58%	-0.09	0.00
PMC	126.00	-9.29%	-0.40	0.00

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	81.0	3.2%	1.2	118,942	632.0	4,775	17.0	113,000	48.6%	Link
KBC	Bất động sản	30.7	7.0%	1.1	28,912	182.0	2,450	12.5	46,000	9.3%	Link
KDH	Bất động sản	26.4	3.7%	1.2	29,626	122.9	943	28.0	39,900	29.0%	Link
PDR	Bất động sản	16.4	6.8%	1.4	16,364	425.0	531	30.9	28,200	6.5%	Link
VHM	Bất động sản	103.0	1.9%	1.2	423,063	261.9	10,200	10.1	119,600	7.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	76.1	2.6%	0.6	129,637	706.8	5,515	13.8	124,400	33.3%	Link
BSR	Dầu khí	27.6	1.3%	0.0	138,201	297.9	1,041	-	-	2.0%	Link
PVS	Dầu khí	42.8	1.9%	1.6	21,889	253.0	3,560	12.0	52,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.3	2.3%	1.3	24,029	250.3	1,454	15.3	-	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	27.1	2.7%	1.3	67,384	632.6	1,978	13.7	-	31.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	26.7	1.1%	1.1	30,642	216.4	1,311	20.4	-	19.6%	Link
DCM	Hóa chất	48.5	-0.2%	1.1	25,676	374.9	3,702	13.1	40,200	8.8%	Link
DGC	Hóa chất	51.8	-1.0%	1.1	19,673	319.2	7,965	6.5	96,700	6.5%	Link
ACB	Ngân hàng	23.8	0.9%	0.9	122,252	247.7	3,042	7.8	27,100	27.4%	Link
CTG	Ngân hàng	34.8	3.0%	1.1	270,290	414.2	4,454	7.8	53,500	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	25.3	3.1%	1.2	126,633	503.9	3,432	7.4	32,700	22.4%	Link
MBB	Ngân hàng	26.2	1.4%	1.0	210,638	483.4	3,325	7.9	32,400	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.4	0.4%	1.0	35,412	129.7	1,804	6.3	14,000	29.1%	Link
STB	Ngân hàng	59.9	-1.2%	1.0	112,924	724.4	3,150	19.0	-	13.0%	Link
TCB	Ngân hàng	30.7	1.7%	1.0	217,193	265.3	3,577	8.6	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.3	2.2%	1.1	45,078	150.9	2,660	6.1	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	58.8	1.6%	0.9	491,314	358.7	4,210	14.0	75,800	20.4%	Link
VIB	Ngân hàng	17.0	0.3%	0.8	57,868	107.3	2,143	7.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	26.5	1.0%	1.1	209,852	344.0	3,024	8.8	36,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.5	2.3%	1.1	203,400	707.2	2,013	13.2	32,200	22.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.9	2.8%	1.1	9,253	55.2	1,012	14.7	15,700	3.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	23.2	1.3%	1.1	8,929	43.4	3,915	5.9	28,800	1.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	73.3	1.7%	1.1	105,986	311.1	2,710	27.1	100,400	23.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.5	0.8%	0.7	128,532	131.4	4,503	13.7	78,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.5	1.11%	1.1	10,063	66.5	2,492	18.3	22.3%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	162.5	2.85%	0.9	27,674	183.9	4,667	34.8	33.1%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	84.0	3.07%	1.1	62,355	36.4	3,996	21.0	27.4%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	14.5	6.64%	1.2	11,508	350.5	990	14.6	2.7%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	14.6	5.42%	1.3	16,241	602.0	229	63.9	19.6%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	19.0	6.76%	1.2	3,785	121.0	2,559	7.4	1.7%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	29.8	0.68%	1.3	11,025	81.6	1,907	15.6	19.4%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	48.5	3.63%	1.4	18,406	154.0	5,090	9.5	14.9%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	29.4	3.35%	1.1	14,238	155.6	1,805	16.3	41.2%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	58.0	3.02%	1.0	14,043	18.4	5,601	10.4	2.6%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	29.5	4.24%	1.0	5,310	34.5	1,916	15.4	4.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	16.7	5.03%	1.2	15,232	254.6	416	40.2	12.0%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	132.6	2.00%	1.1	1,021,820	281.8	1,468	90.3	3.5%	8.0%	Link
VRE	Bất động sản	25.8	0.78%	1.0	58,512	90.0	2,837	9.1	11.7%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	29.2	0.87%	1.2	6,789	16.1	1,700	17.2	37.8%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	42.3	5.89%	1.0	53,683	251.4	2,122	19.9	14.5%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	35.8	3.03%	1.0	19,873	259.9	1,866	19.2	11.8%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	25.6	2.40%	1.2	8,870	15.8	1,161	22.1	24.8%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	23.9	3.46%	1.7	15,948	112.3	1,883	12.7	0.5%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	82.1	2.24%	1.1	198,103	164.0	4,730	17.4	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	-0.38%	1.2	40,035	225.7	857	15.2	2.9%	7.3%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.7	0.00%	0.6	38,837	137.5	4,669	15.4	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	157.0	1.29%	1.0	92,883	356.4	3,728	42.1	6.5%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36.0	1.55%	1.3	32,441	282.1	1,638	22.0	6.7%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	78.5	0.90%	1.1	33,480	165.1	3,986	19.7	41.6%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.9	2.57%	1.0	10,388	326.6	6,753	8.3	5.6%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.3	-0.45%	1.0	10,479	207.7	2,208	10.1	12.6%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.2	4.31%	0.9	12,081	107.0	3,325	29.8	4.9%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	109.9	3.68%	1.1	37,492	246.2	8,350	13.2	48.9%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.3	0.22%	1.0	2,605	34.0	2,402	9.7	48.4%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	25.7	-1.15%	1.4	3,308	48.9	3,172	8.1	22.2%	20.2%	Link
DPM	Hóa chất	30.8	-0.96%	0.9	20,942	301.2	1,579	19.5	5.8%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	32.1	7.00%	1.2	128,400	140.0	1,406	22.8	0.8%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	22.8	1.56%	1.3	42,377	787.5	610	37.3	3.4%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	41.8	0.00%	0.4	124,868	48.5	3,824	10.9	0.7%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	13.2	2.72%	0.6	22,647	21.6	2,438	5.4	0.9%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.2	0.45%	0.8	29,826	13.2	1,506	7.4	19.6%	12.2%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.8	3.37%	1.2	6,176	49.9	461	29.9	5.0%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.5	3.08%	1.2	6,244	19.0	3,754	6.3	3.4%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.7	0.29%	0.5	10,550	60.7	341	101.7	3.4%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	44.2	0.91%	0.6	56,625	17.4	3,449	12.8	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.8	-0.84%	0.9	13,198	39.5	6,073	9.7	20.4%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	128.2	2.48%	0.4	10,495	25.0	15,010	8.5	81.6%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.7	0.23%	1.1	9,127	73.4	7,388	11.6	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.6	0.71%	1.1	9,791	33.6	5,243	16.3	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	41.4	1.60%	1.2	4,904	20.1	3,176	13.0	19.0%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	1.24%	1.0	6,675	91.4	1,210	10.1	10.7%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	29.1	2.83%	1.1	11,968	325.2	2,553	11.4	15.9%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.9	0.69%	0.9	14,158	205.7	6,084	3.6	3.4%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.6	2.01%	1.2	20,445	41.7	3,130	14.6	2.5%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
2	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
3	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
4	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
5	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
6	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
8	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
9	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
10	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
12	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
15	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
18	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
20	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
21	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
22	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>